

TRƯỜNG THCS GIẢNG VÕ**DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT ĐIỂM THI TỪ 26 ĐIỂM
TRONG KỲ THI VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027**

STT	Họ tên	LỚP	NGŨ VĂN	NGOẠI NGŨ	TOÁN	TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
1	Đình Uyển Nhi	9A1	9.00	9.75	9.25	28.00
2	Lê Hải Châu	9A2	8.50	9.75	9.75	28.00
3	Lê Trà Mi	9A2	9.00	10.00	9.00	28.00
4	Nguyễn Nhật Quang	9A3	8.75	10.00	9.25	28.00
5	Phạm Hải Bằng	9A1	8.75	10.00	9.00	27.75
6	Hoàng Khánh Mai	9A1	9.00	10.00	8.75	27.75
7	Dương Phạm Hiền	9A3	9.00	9.50	9.25	27.75
8	Nguyễn Đăng Khoa	9A3	8.75	9.75	9.25	27.75
9	Vũ Nguyễn Linh Phương	9A9	9.25	9.75	8.75	27.75
10	Đỗ Hương Giang	9P	8.75	10.00	9.00	27.75
11	Đình Ngọc Diệp	9A1	9.00	9.50	9.00	27.50
12	Nguyễn Nam Hiền	9A1	9.25	9.50	8.75	27.50
13	Nguyễn Phương Mai	9A1	8.50	10.00	9.00	27.50
14	Lương Thanh Nga	9A1	8.75	10.00	8.75	27.50
15	Trương Thanh Tâm	9A1	8.25	10.00	9.25	27.50
16	Nguyễn Việt Bách	9A2	8.75	9.25	9.50	27.50
17	Dương Ngân Hà	9A3	8.75	10.00	8.75	27.50
18	Vũ Gia Linh	9A3	8.50	10.00	9.00	27.50
19	Nguyễn Việt Tuệ Minh	9A4	8.75	9.75	9.00	27.50
20	Phạm Minh Minh	9A4	8.75	9.75	9.00	27.50
21	Dương Tùng Anh	9A7	9.00	9.75	8.75	27.50
22	Lê Khánh An	9A8	9.00	9.25	9.25	27.50
23	Nguyễn Hà My	9A9	9.00	9.50	9.00	27.50
24	Nguyễn Đức Anh	9A6	9.00	9.75	8.50	27.25
25	Lê Ngọc Bảo Hân	9A6	8.75	9.25	9.25	27.25
26	Bùi Đức Khánh	9A6	8.50	9.75	9.00	27.25
27	Hoàng Thị Hoài An	9A2	9.00	9.75	8.50	27.25
28	Trần Hiền Anh	9A2	8.25	10.00	9.00	27.25

29	Đỗ Linh Đan	9A2	8.75	10.00	8.50	27.25
30	Hoàng Gia Phúc	9A2	8.50	9.75	9.00	27.25
31	Hoàng Xuân Thiện	9A2	8.50	9.50	9.25	27.25
32	Nguyễn Lê Gia Bách	9A3	8.50	9.75	9.00	27.25
33	Phạm Hà Quế Anh	9A4	9.00	9.75	8.50	27.25
34	Nguyễn Văn Đông	9A4	8.75	9.75	8.75	27.25
35	Lê Hà My	1	9.00	9.50	8.75	27.25
36	Nguyễn Phương Nguyên	9P	9.00	10.00	8.25	27.25
37	Nguyễn Phùng Khánh Chi	9A1	8.50	9.50	9.00	27.00
38	Bùi Lê Quân	9A2	8.50	9.75	8.75	27.00
39	Nguyễn Hà Anh	9A3	8.75	10.00	8.25	27.00
40	Phùng Châu Anh	9A4	8.75	9.75	8.50	27.00
41	Phùng Bảo Phương	9A4	9.25	9.50	8.25	27.00
42	Phạm Gia An	9A5	8.00	10.00	9.00	27.00
43	Phạm Gia Minh	9A5	8.25	9.75	9.00	27.00
44	Nguyễn Nhật Bảo Linh	9A6	9.00	9.00	9.00	27.00
45	Trần An Mỹ Bình	9A9	8.50	9.25	9.25	27.00
46	Nguyễn Ngọc Linh Anh	9P	9.00	9.50	8.50	27.00
47	Đỗ Gia Bình	9P	8.25	9.75	9.00	27.00
48	Trần Phạm Minh Châu	9A6	8.25	10.00	8.50	26.75
49	Phí Hoàng Linh Chi	9A6	9.00	9.75	8.00	26.75
50	Nguyễn Thảo Linh	9A1	9.00	9.00	8.75	26.75
51	Trần Minh Ngọc	9A1	9.00	9.50	8.25	26.75
52	Phạm Thiện Khôi	9A2	8.75	9.00	9.00	26.75
53	Phạm Anh Khoa	9A3	8.25	9.50	9.00	26.75
54	Trần Bảo Châu	9A4	8.75	9.50	8.50	26.75
55	Lã Thanh Hà	9A4	8.25	10.00	8.50	26.75
56	Nguyễn Hà Phương	9A4	8.00	9.75	9.00	26.75
57	Nguyễn Dương Minh Châu	9A7	8.25	9.50	9.00	26.75
58	Nguyễn Đức Khang	9A7	8.25	9.50	9.00	26.75
59	Nguyễn Vân Khánh	9A7	8.25	9.50	9.00	26.75
60	Trần Đức Anh	9A9	8.75	9.50	8.50	26.75
61	Lê Quang Huy	9P	8.75	9.50	8.50	26.75
62	Nguyễn Đỗ Tường Vân	9P	8.50	9.75	8.50	26.75

63	Đặng Linh Chi	9A6	8.50	9.50	8.50	26.50
64	Phan Anh Thy	9A6	9.00	9.75	7.75	26.50
65	Hồ Đăng Minh	9A1	8.75	9.25	8.50	26.50
66	Vũ Minh Ngọc	9A1	8.25	9.75	8.50	26.50
67	Lê Gia Bách	9A2	8.25	9.75	8.50	26.50
68	Nguyễn Minh Sơn	9A2	8.50	9.75	8.25	26.50
69	Mai Minh Trí	9A2	8.00	9.25	9.25	26.50
70	Bùi Ngọc Tường Anh	9A3	9.00	9.25	8.25	26.50
71	Nguyễn Gia Khiêm	9A3	8.50	9.25	8.75	26.50
72	Hoàng Lê Bảo Linh	9A3	8.75	9.50	8.25	26.50
73	Ứng Hoàng My	9A3	8.75	9.50	8.25	26.50
74	Phạm Quỳnh Anh	9A4	8.50	9.50	8.50	26.50
75	Nhữ Quỳnh Đan	9A4	8.25	9.50	8.75	26.50
76	Nguyễn Thu Giang	9A4	8.50	9.50	8.50	26.50
77	Phùng An Khánh	9A4	8.25	9.75	8.50	26.50
78	Lưu Nguyễn Ân Mai	9A4	8.50	10.00	8.00	26.50
79	Nguyễn Kim Mai	9A4	9.00	9.50	8.00	26.50
80	Vũ Ngọc Mai	9A4	9.00	9.00	8.50	26.50
81	Lại Phúc Anh	9A5	8.25	9.25	9.00	26.50
82	Tạ Vân Anh	9A5	8.75	9.50	8.25	26.50
83	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	9A5	8.00	10.00	8.50	26.50
84	Trần Khánh Ngọc	9A5	8.25	9.75	8.50	26.50
85	Đặng Nhật Huy	9A7	8.50	9.50	8.50	26.50
86	Nguyễn Duy Khang	9A7	8.50	9.50	8.50	26.50
87	Phạm Sỹ Trung	9A7	8.50	9.50	8.50	26.50
88	Mai Thanh Hà	9A8	8.75	9.25	8.50	26.50
89	Nguyễn Phương Minh	9A9	9.00	9.00	8.50	26.50
90	Nguyễn Ngọc Trường	9A9	8.75	9.25	8.50	26.50
91	Đình Nhật Minh	0	9.25	8.75	8.50	26.50
92	Phạm Hoàng Trang Nguyên	0	8.00	9.75	8.75	26.50
93	Nguyễn Minh Đức	9P	8.25	9.75	8.50	26.50
94	Nguyễn Quốc Khanh	9P	8.50	9.75	8.25	26.50
95	Đàm Khánh	9P	8.25	8.75	8.50	26.50
96	Trịnh Khánh Thư	9P	8.50	10.00	8.00	26.50

97	Nguyễn Đức Trí	9P	8.50	9.50	8.50	26.50
98	Bùi Hoàng Tùng	9P	8.75	9.50	8.25	26.50
99	Nguyễn Anh Đức	9A6	8.25	9.25	8.75	26.25
100	Hoàng Mai Phương	9A6	8.00	10.00	8.25	26.25
101	Nguyễn Phương Quyên	9A1	8.75	9.25	8.25	26.25
102	Nguyễn Cao Khánh Thy	9A1	8.50	9.25	8.50	26.25
103	Nguyễn Việt Cường	9A2	9.00	8.75	8.50	26.25
104	Nguyễn Minh Huy	9A2	8.50	8.75	9.00	26.25
105	Nguyễn Đăng Khoa	9A2	8.00	9.25	9.00	26.25
106	Trần Bảo Nam	9A2	8.00	9.50	8.75	26.25
107	Tăng Vũ Hoàng Phong	9A2	8.50	9.00	8.75	26.25
108	Nguyễn Lương Bảo Tuấn	9A2	8.25	9.25	8.75	26.25
109	Trịnh Tuệ Lâm	9A3	9.00	9.25	8.00	26.25
110	Hoàng Tuấn Gia Vinh	9A3	8.25	9.75	8.25	26.25
111	Vũ Đình Khang	9A4	8.25	9.00	9.00	26.25
112	Nguyễn An Khanh	9A4	8.50	9.50	8.25	26.25
113	Phạm Khánh Ngọc	9A4	8.25	9.75	8.25	26.25
114	Lê Thảo Vy	9A4	8.75	9.00	8.50	26.25
115	Trần Quốc Gia Chính	9A5	8.00	9.00	9.25	26.25
116	Nguyễn Trọng Minh Duy	9A5	8.00	9.50	8.75	26.25
117	Trịnh Hồng Minh Dương	9A5	8.00	9.75	8.50	26.25
118	Nguyễn Hoàng Giang	9A5	8.50	9.25	8.50	26.25
119	Nguyễn Đông Phong	9A5	8.25	8.75	9.25	26.25
120	Kiều Hoàng An	9A9	8.75	8.50	9.00	26.25
121	Phạm Khánh Hưng	9A9	8.00	9.75	8.50	26.25
122	Nguyễn Hà Phương	0	8.75	9.00	8.50	26.25
123	Trần Bảo Duy	1	7.75	9.75	8.75	26.25
124	Phan Minh Khuê	2	8.75	9.00	8.50	26.25
125	Nguyễn Ngọc Vân Khánh	9A1	9.00	9.00	8.00	26.00
126	Nguyễn Hoàng Bách	9A2	7.75	9.75	8.50	26.00
127	Ngô Khánh Chi	9A2	8.75	8.75	8.50	26.00
128	Trương Đức Dũng	9A2	8.25	9.00	8.75	26.00
129	Trần Tuấn Nam	9A2	8.25	8.75	9.00	26.00
130	Đặng Bảo Trân	9A2	8.25	8.75	9.00	26.00

131	Lê Đăng Gia Bảo	9A3	8.25	9.25	8.50	26.00
132	Nguyễn Khánh Ngọc	9A3	8.75	9.25	8.00	26.00
133	Dương Hải Nguyên	9A3	8.75	8.75	8.50	26.00
134	Đặng Phương Thái	9A3	8.00	9.75	8.25	26.00
135	Nguyễn Tuấn Khôi	9A4	8.25	9.50	8.25	26.00
136	Nguyễn Ngọc Bảo An	9A5	8.25	9.25	8.50	26.00
137	Triệu Linh Nga	9A6	8.75	8.75	8.5	26.00
138	Vũ Hải Bình	9A7	8.25	9.25	8.50	26.00
139	Đỗ Minh Hùng	9A7	8.50	9.50	8.00	26.00
140	Đặng Bảo Kha	9A7	8.00	9.50	8.50	26.00
141	Phạm Nam Khánh	9A7	9.00	9.25	7.75	26.00
142	Nguyễn Ngọc Hà Linh	9A7	8.25	8.75	9.00	26.00
143	Lê Trí Dũng	9A8	8.00	9.50	8.50	26.00
144	Lê Dũng	9A9	8.25	9.50	8.25	26.00
145	Văn Doãn Đức Minh	0	8.50	9.25	8.25	26.00
146	Đoàn Hương Giang	2	9.00	8.50	8.50	26.00
147	Nguyễn Ngọc Kim Chi	9P	8.75	9.50	7.75	26.00
148	Nguyễn Thanh Vân	9P	8.50	9.25	8.25	26.00
149	Trần Minh Bảo Châu	9P	8.00	9.50	8.50	26.00